

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 49



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin ("CNTT");
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên	
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên	
Ông Gum Ki Ho	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023
Ông Lee Jay Seok	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn - Giám đốc Tài chính, Người phụ trách quản trị Công ty	
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó chủ tịch điều hành tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2023
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2023

(*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 đề ngày 28 tháng 11 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành Công ty:



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

Số tham chiếu: 11887657/67390733

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 11 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 9 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		676.777.603.732	742.738.499.288
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.572.130.918	46.558.963.158
111	1. Tiền		22.572.130.918	6.558.963.158
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		255.000.000.000	386.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	255.000.000.000	386.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		387.072.700.756	307.215.706.080
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	133.823.111.016	17.310.836.286
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	957.370.463	2.324.049.071
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	19.969.000.000	33.869.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	242.787.593.555	265.279.019.121
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(10.464.374.278)	(11.567.198.398)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		12.132.772.058	2.963.830.050
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	10.862.502.133	1.173.742.502
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.270.269.925	1.790.087.548
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.580.924.171.595	2.066.977.934.424
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000.000	104.075.900.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	32	-	99.075.900.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	5.000.000.000	5.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		661.304.614.679	684.118.420.894
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	657.286.118.209	679.492.285.405
222	Nguyên giá		899.794.302.149	899.594.483.967
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(242.508.183.940)	(220.102.198.562)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.018.496.470	4.626.135.489
228	Nguyên giá		26.554.473.204	26.554.473.204
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.535.976.734)	(21.928.337.715)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		745.556.776.961	143.617.722.294
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	745.556.776.961	143.617.722.294
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.089.255.202.375	1.053.567.720.593
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.175.808.776.974	1.109.008.776.974
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(93.811.930.599)	(62.699.412.381)
260	V. Tài sản dài hạn khác		79.807.577.580	81.598.170.643
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	79.807.577.580	81.598.170.643
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.257.701.775.327	2.809.716.433.712

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.173.477.031.921	748.667.468.927
310	I. Nợ ngắn hạn		613.279.184.705	590.400.444.759
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	129.502.471.966	125.255.702.714
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.000.074.673	204.031.450
314	3. Phải trả người lao động		2.517.050.605	2.556.915.940
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	9.594.621.500	17.004.772.352
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	4.932.089.835	5.243.942.758
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	18.437.444.643	18.994.545.611
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	21	422.894.708.518	418.369.157.484
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	20.400.722.965	2.771.376.450
330	II. Nợ dài hạn		560.197.847.216	158.267.024.168
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	30.571.239.301	20.156.827.588
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	515.597.682.487	135.705.388.486
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.2	1.589.251.625	1.560.253.455
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	12.439.673.803	844.554.639
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.084.224.743.406	2.061.048.964.785
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	2.084.224.743.406	2.061.048.964.785
411	1. Vốn cổ phần		1.505.960.320.000	1.505.960.320.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.505.960.320.000	1.505.960.320.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.216.950.400	331.216.950.400
415	3. Cổ phiếu quỹ		(181.000.000)	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		247.228.473.006	223.871.694.385
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		184.583.462.226	5.603.737.946
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		62.645.010.780	218.267.956.439
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.257.701.775.327	2.809.716.433.712

Nguyễn Hồng Phương
Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn


Ngày 28 tháng 11 năm 2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.1	106.439.924.184	116.550.721.514
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	26.1	106.439.924.184	116.550.721.514
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	27	(49.922.651.802)	(37.785.701.069)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		56.517.272.382	78.765.020.445
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	87.401.673.427	25.802.173.995
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	28	(49.404.003.999) (18.291.485.781)	(18.125.218.296) (16.506.085.739)
25	8. Chi phí bán hàng		(169.269.416)	(72.035.103)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(31.738.515.382)	(28.844.222.574)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		62.607.157.012	57.525.718.467
31	11. Thu nhập khác		75.981.659	70.424.342
32	12. Chi phí khác		(9.129.721)	-
40	13. Lợi nhuận khác		66.851.938	70.424.342
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.674.008.950	57.596.142.809
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(10.036.249.148)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.2	(28.998.170)	28.998.170
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		62.645.010.780	47.588.891.831


Nguyễn Hồng Phương
Kế toán trưởng


Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		62.674.008.950	57.596.142.809
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	23.013.624.397	16.348.138.457
03	Các khoản trích lập dự phòng		30.009.694.097	1.619.132.557
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	26.2	(87.401.673.427)	(25.802.173.995)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	28	18.291.485.781	16.506.085.739
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.587.139.798	66.267.325.567
09	Giảm các khoản phải thu		34.173.425.993	60.472.250.699
11	Giảm các khoản phải trả		(55.484.077.342)	(29.110.636.688)
12	Tăng chi phí trả trước		(7.898.166.568)	(75.715.911.631)
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.968.028.360)	(15.231.099.438)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(13.209.856)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.351.676.480)	(19.403.122.634)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(9.954.592.815)	(12.721.194.125)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(537.422.093.101)	(42.466.247.561)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.203.393.304	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.200.000.000)	(485.970.892.473)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		168.100.000.000	487.890.969.099
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(36.800.000.000)	(10.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.169.794.502	42.705.822.896
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(397.948.905.295)	(7.840.348.039)


010
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 CMC


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(181.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		602.500.954.467	213.622.269.886
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(218.083.109.432)	(238.545.692.386)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(320.179.165)	(96.787.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		383.916.665.870	(25.020.210.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(23.986.832.240)	(45.581.752.164)
60	Tiền đầu kỳ		46.558.963.158	61.433.669.139
70	Tiền cuối kỳ	4	22.572.130.918	15.851.916.975


Nguyễn Hồng Phương
Kế toán trưởng


Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn



Ngày 28 tháng 11 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 là 108 (ngày 31 tháng 3 năm 2023: 107).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Công ty có 15 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (i)	Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (ii)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp, phân phối máy tính	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting (Tên trước đây Công ty Cổ phần CMC Consulting) (v)	Hà Nội	Dịch vụ và phân phối các sản phẩm phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (iii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (iv)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (iv)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (iv)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (iv)	Hà Nội	Đào tạo đại học	72,53%	72,53%
Trường Đại học CMC (iv)	Hà Nội	Đào tạo đại học	66%	91%

- (i) Theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 6 năm 2023 của Hội Đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc sáp nhập 2 đơn vị thành viên là Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (công ty bị sáp nhập) và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (công ty nhận sáp nhập). Sau khi hoàn thành phương án này, Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn sẽ trở thành một chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, các công ty con chưa hoàn thành việc sáp nhập nêu trên.
- (ii) Tỷ lệ lợi ích 54,63% bao gồm phần sở hữu gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với tỷ lệ 9,1%.
- (iii) Công ty này đã tạm dừng hoạt động.
- (iv) Tập đoàn gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, Công ty TNHH CMC Global và Công ty TNHH CMC Education.
- (v) Căn cứ Nghị Quyết số 21/2023/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2023 phê duyệt việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần CMC Consulting từ các cổ đông của Công ty Cổ phần CMC Consulting, dẫn đến tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần CMC Consulting lên 100% đồng thời chuyển đổi Công ty Cổ phần CMC Consulting thành Công ty TNHH CMC Consulting.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 vào ngày 28 tháng 11 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam về báo cáo tài chính giữa niên độ do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKH-CN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế và được xác nhận bởi khách hàng theo từng hợp đồng tại ngày báo cáo.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Tiền mặt	4.071.420.820	2.513.694.869
Tiền gửi ngân hàng	18.500.710.098	4.045.268.289
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
TỔNG CỘNG	22.572.130.918	46.558.963.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2023		Ngày 31 tháng 3 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn (i)	255.000.000.000	255.000.000.000	386.000.000.000	386.000.000.000
TỔNG CỘNG	255.000.000.000	255.000.000.000	386.000.000.000	386.000.000.000

(i) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm:

- ▶ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi Tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 8,5%/năm đến 13,1%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2023: từ 7,1%/năm đến 13,1%/năm).
- ▶ Công ty đã sử dụng 150.000.000.000 VND chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam (Thuyết minh số 21).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
Phải thu từ khách hàng khác	1.661.571.804	1.309.355.389
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	132.161.539.212	16.001.480.897
TỔNG CỘNG	133.823.111.016	17.310.836.286
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(938.064.932)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
Trả trước cho người bán	950.407.563	2.324.049.071
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.962.900	-
TỔNG CỘNG	957.370.463	2.324.049.071
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(164.759.188)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	19.969.000.000	33.869.000.000
TỔNG CỘNG	19.969.000.000	33.869.000.000

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn được trình bày như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	14.450.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả tại ngày đáo hạn khoản vay với khoản trả nợ cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 10 năm 2023.	8%/năm	Toàn bộ giá trị hàng hóa và các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh của bên đi vay
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	5.519.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả tại ngày đáo hạn khoản vay với khoản trả nợ cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2023.	8%/năm	Tín chấp
TỔNG CỘNG	19.969.000.000			

14
 3
 H
 A
 N
 H
 C
 TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	23.644.847.000	-	17.435.913.901	-
Các khoản chi hộ	11.059.464.975	(6.250.054.278)	11.602.710.802	(6.250.054.278)
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	182.187.484.000	-	163.275.323.545	-
Lãi dự thu	19.205.812.855	-	11.843.769.842	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu về đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng	-	-	55.739.880.900	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.189.984.725	(714.320.000)	1.881.420.131	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	242.787.593.555	(10.464.374.278)	265.279.019.121	(10.464.374.278)
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	196.329.588.914	(6.250.054.278)	176.282.967.489	(6.250.054.278)
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	46.458.004.641	(4.214.320.000)	88.996.051.632	(4.214.320.000)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH CMC				
Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	714.320.000	-	1.817.144.120	-
TỔNG CỘNG	10.464.374.278	-	11.567.198.398	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	559.269.262.348	330.186.734.261	6.442.280.000	3.696.207.358	899.594.483.967
- Mua trong kỳ	-	-	-	199.818.182	199.818.182
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.203.393.304	-	-	-	1.203.393.304
- Thanh lý tài sản	(1.203.393.304)	-	-	-	(1.203.393.304)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	559.269.262.348	330.186.734.261	6.442.280.000	3.896.025.540	899.794.302.149
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	84.720.352.421	-	3.696.207.358	88.386.559.779
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	68.580.023.445	144.590.857.567	3.235.110.192	3.696.207.358	220.102.198.562
- Khấu hao trong kỳ	11.372.078.917	10.854.049.098	173.205.847	6.651.516	22.405.985.378
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	79.952.102.362	155.444.906.665	3.408.316.039	3.702.858.874	242.508.183.940
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	490.689.238.903	185.595.876.694	3.207.169.808	-	679.492.285.405
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	479.317.159.986	174.741.827.596	3.033.963.961	193.166.666	657.286.118.209
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	452.277.314.389	150.167.233.616	-	-	622.444.548.005

Công ty đã sử dụng phần lớn diện tích nhà cửa, vật kiến trúc là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội và Tòa nhà "Không gian sáng tạo" tại lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết trong Tập đoàn sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	195.615.549	26.157.509.474	201.348.181	26.554.473.204
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	195.615.549	26.157.509.474	201.348.181	26.554.473.204
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	195.615.549	18.623.124.229	201.348.181	19.020.087.959
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	195.615.549	21.531.373.985	201.348.181	21.928.337.715
- Hao mòn trong kỳ	-	607.639.019	-	607.639.019
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	195.615.549	22.139.013.004	201.348.181	22.535.976.734
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	-	4.626.135.489	-	4.626.135.489
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	-	4.018.496.470	-	4.018.496.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" (*)	585.029.074.969	-
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (**)	158.445.061.992	142.270.511.094
Phần mềm SAP Finance (giai đoạn 2)	2.082.640.000	1.347.211.200
TỔNG CỘNG	<u>745.556.776.961</u>	<u>143.617.722.294</u>

(*) Đây là dự án xây dựng Khu phức hợp văn phòng, trung tâm thương mại của Công ty tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội. Công ty sử dụng toàn bộ quyền phát sinh, tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

(**) Đây là một phần dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 16,5 tỷ VND (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022: 4,3 tỷ VND) cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC" và Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi".

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2023		Ngày 31 tháng 3 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.175.808.776.974	(93.811.930.599)	1.081.996.846.375	(62.699.412.381)
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	310.000.000.000	-	310.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	284.223.784.352	-	284.223.784.352	-
Công ty TNHH CMC Education (i)	240.889.367.855	(55.167.803.295)	185.721.564.560	(33.855.285.077)
Công ty TNHH CMC Global (i)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100.000.000.000	(2.948.502.537)	97.051.497.463	(2.948.502.537)
Công ty TNHH CMC Consulting (Tên trước đây là Công ty Cổ phần CMC Consulting) (ii)	20.030.983.260	(20.030.983.260)	-	(10.230.983.260)
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	10.300.105.507	(10.300.105.507)	-	(10.300.105.507)
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	(5.364.536.000)
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	7.258.356.000	-	7.258.356.000	-
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	-
TỔNG CỘNG	1.183.067.132.974	(93.811.930.599)	1.089.255.202.375	(62.699.412.381)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

(i) Căn cứ theo Nghị Quyết số 19/2023/HQ-HĐQT ngày 16 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt về việc tăng vốn điều lệ cho các công ty thành viên để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh và tái đầu tư năm 2023. Công ty đã góp vốn bổ sung tại các đơn vị này trong kỳ thông qua hình thức góp vốn bằng tiền và cấn trừ công nợ.

(ii) Căn cứ Nghị Quyết số 21/2023/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2023 phê duyệt việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại CMC Consulting từ các cổ đông cá nhân khác của công ty này, dẫn đến tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần CMC Consulting lên 100% đồng thời chuyển đổi từ loại hình công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2023		Ngày 31 tháng 3 năm 2023	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting (Tên trước đây Công ty Cổ phần CMC Consulting)	100%	100%	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đa Năng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty nắm giữ 41,14% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2022</i>
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước cho chuỗi sự kiện 30 năm thành lập Tập đoàn	10.345.636.265	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	516.865.868	1.173.742.502
TỔNG CỘNG	10.862.502.133	1.173.742.502
Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	77.737.825.897	79.790.522.311
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	930.349.364	1.025.953.817
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.139.402.319	781.694.515
TỔNG CỘNG	79.807.577.580	81.598.170.643

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	101.963.615.552	101.963.615.552	97.211.427.021	97.211.427.021
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	61.943.004.976	61.943.004.976	61.943.004.976	61.943.004.976
- Công ty TNHH Phát triển THT	28.811.753.795	28.811.753.795	-	-
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	2.078.532.000	2.078.532.000	2.078.532.000	2.078.532.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	25.175.520	25.175.520	21.589.443.925	21.589.443.925
- Các nhà cung cấp khác	9.105.149.261	9.105.149.261	11.600.446.120	11.600.446.120
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	27.538.856.414	27.538.856.414	28.044.275.693	28.044.275.693
TỔNG CỘNG	129.502.471.966	129.502.471.966	125.255.702.714	125.255.702.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/cần trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	10.835.705.608	(6.316.297.793)	4.519.407.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.209.856	-	(13.209.856)	-
Thuế thu nhập cá nhân	190.821.594	2.341.383.539	(2.051.538.275)	480.666.858
Thuế khác	-	320.341.123	(320.341.123)	-
TỔNG CỘNG	204.031.450	13.497.430.270	(8.701.387.047)	5.000.074.673

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Lãi vay phải trả	5.745.025.220	4.954.879.718
Chi phí xây dựng, sửa chữa	1.973.782.611	9.927.618.088
Chi phí dịch vụ	-	1.212.075.637
Chi phí thuê đất	921.173.550	418.715.250
Chi phí khác	954.640.119	491.483.659
TỔNG CỘNG	9.594.621.500	17.004.772.352

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba đang thuê diện tích văn phòng tại tòa nhà CMC Tower và tòa nhà CCS Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền lãi vay	7.238.574.832	5.860.413.213
Cổ tức phải trả	1.391.616.550	1.711.795.715
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.477.761.980	8.212.536.118
Kinh phí công đoàn	16.783.104	501.169.604
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.312.708.177	2.708.630.961
TỔNG CỘNG	<u>18.437.444.643</u>	<u>18.994.545.611</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.571.239.301	20.156.827.588
TỔNG CỘNG	<u>30.571.239.301</u>	<u>20.156.827.588</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>7.255.574.832</i>	<i>5.877.413.213</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>23.872.999.351</i>	<i>18.691.213.036</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho bên thứ ba</i>	<i>11.181.869.811</i>	<i>13.117.132.398</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho bên thứ ba</i>	<i>6.698.239.950</i>	<i>1.465.614.552</i>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2023		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2023		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay thấu chi ngân hàng	-	-	101.088.899.970	(101.088.899.970)	-	-	
Vay hạn mức ngân hàng	-	-	28.396.311.218	-	28.396.311.218	28.396.311.218	
Vay đối tượng khác	61.053.331.940	61.053.331.940	55.048.626.646	(4.243.091.698)	111.858.866.888	111.858.866.888	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	16.249.415.528	16.249.415.528	24.794.822.630	(8.124.707.764)	32.919.530.394	32.919.530.394	
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	249.440.000.016	249.440.000.016	280.000.002	-	249.720.000.018	249.720.000.018	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	91.626.410.000	91.626.410.000	13.000.000.000	(104.626.410.000)	-	-	
TỔNG CỘNG	418.369.157.484	418.369.157.484	222.608.660.466	(218.083.109.432)	422.894.708.518	422.894.708.518	
Dài hạn							
Vay ngân hàng	135.705.388.486	135.705.388.486	313.060.706.631	(24.794.822.630)	423.971.272.487	423.971.272.487	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	-	91.626.410.000	-	91.626.410.000	91.626.410.000	
TỔNG CỘNG	135.705.388.486	135.705.388.486	404.687.116.631	(24.794.822.630)	515.597.682.487	515.597.682.487	

21.1 Khoản vay ngắn hạn

- (i) Đây là các khoản vay hạn mức từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với lãi suất là 4,9%/năm. Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hạn mức này.
- (ii) Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 1 năm 2024. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 7% đến 8%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.
- (iii) Đây là khoản trái phiếu được Công ty phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV với kỳ hạn là 5 năm và chịu lãi suất cố định là 8,8%/năm áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau cho cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, với kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại Việt Nam. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ

21.2 Khoản vay ngân hàng dài hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	173.498.850.151	Kỳ hạn vay 72 tháng. Gốc và lãi vay được thanh toán theo kế hoạch trả nợ được ngân hàng thông báo	Lãi suất năm đầu tiên là 8%/năm và lãi suất từ năm thứ hai bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng cộng với biên độ lãi suất là từ 2,6% đến 3%/năm	Toàn bộ máy móc, thiết bị, tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC" và Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2, Lô Vb.27b-28-29 đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận Đông, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	283.391.952.730	Kỳ hạn vay 60 tháng. Sau thời gian ân hạn một năm, Gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Lãi vay được trả định kỳ 1 tháng/lần	Lãi suất cố định 8,7%/năm trong 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau đó áp dụng lãi suất tham chiếu 12 tháng cộng biên độ 1,9%/năm và điều chỉnh 1 tháng một lần	Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt với giá trị 150 tỷ đồng Việt Nam và toàn bộ quyền phát sinh, tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án " Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi".

TỔNG CỘNG

456.890.802.881

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả

32.919.530.394

- Vay dài hạn

423.971.272.487

21.3 Khoản vay bên liên quan dài hạn

Bao gồm hai khoản vay tín chấp từ Công ty TNHH CMC Đà Nẵng, một công ty con của Công ty, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2026 và chịu lãi suất là 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	2.771.376.450	3.897.079.253
Trích quỹ trong kỳ	17.461.436.515	12.900.067.196
Điều chỉnh tăng khác	287.910.000	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(120.000.000)	(9.676.799.999)
Số cuối kỳ	<u>20.400.722.965</u>	<u>7.120.346.450</u>

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	844.554.639	2.649.774.479
Trích quỹ trong kỳ (<i>Thuyết minh số 24</i>)	21.826.795.644	16.782.435.185
Cấp quỹ cho Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	(8.081.676.480)	(39.537.390)
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.150.000.000)	(9.726.322.635)
Số cuối kỳ	<u>12.439.673.803</u>	<u>9.666.349.639</u>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022	1.089.988.830.000	599.555.780.400	-	176.972.900.327	1.866.517.510.727
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	47.588.891.831	47.588.891.831
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.900.067.196)	(12.900.067.196)
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	(16.782.435.185)	(16.782.435.185)
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	268.338.830.000	(268.338.830.000)	-	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	141.686.660.000	-	-	(141.686.660.000)	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2022	1.500.014.320.000	331.216.950.400	-	53.192.629.777	1.884.423.900.177
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	1.505.960.320.000	331.216.950.400	-	223.871.694.385	2.061.048.964.785
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	62.645.010.780	62.645.010.780
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(17.461.436.515)	(17.461.436.515)
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)	-	-	-	(21.826.795.644)	(21.826.795.644)
- Thu hồi cổ phiếu ESOP đã phát hành	-	-	(181.000.000)	-	(181.000.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	1.505.960.320.000	331.216.950.400	(181.000.000)	247.228.473.006	2.084.224.743.406

(i) Công ty đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2023/NQ ĐHCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2023			Ngày 31 tháng 3 năm 2023		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của các đối tượng khác	150.596.032	150.596.032	-	150.596.032	150.596.032	-
TỔNG CỘNG	150.596.032	150.596.032	-	150.596.032	150.596.032	-

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	1.505.960.320.000	1.089.988.830.000
Tăng trong kỳ (Thuyết minh số 24.1)	-	410.025.490.000
Số cuối kỳ	1.505.960.320.000	1.500.014.320.000
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	320.179.165	141.783.447.500
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phiếu	-	141.686.660.000
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	320.179.165	96.787.500
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 (*)	180.715.240.000	-
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phiếu	90.357.620.000	-
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	90.357.620.000	-

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty số 24/2023/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 9 năm 2023 thông qua và triển khai việc chia cổ tức bằng tiền và cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.

24.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	150.596.032	150.596.032
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	150.596.032	150.596.032
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(18.100)	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	150.577.932	150.596.032

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 3 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	8.780	1.119

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Tổng doanh thu		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	106.439.924.184	116.550.721.514
Doanh thu dịch vụ khác	105.319.787.397	114.724.592.482
	1.120.136.787	1.826.129.032
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	106.439.924.184	116.550.721.514
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên thứ ba	22.887.055.863	18.744.427.101
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	83.552.868.321	97.806.294.413

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Cổ tức và lợi nhuận được chia	69.676.580.455	7.778.357.923
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.725.092.972	18.023.816.072
TỔNG CỘNG	87.401.673.427	25.802.173.995



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	49.423.425.284	37.193.670.708
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	499.226.518	592.030.361
TỔNG CỘNG	<u>49.922.651.802</u>	<u>37.785.701.069</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Dự phòng đầu tư tài chính	31.112.518.218	1.619.132.557
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	18.291.485.781	16.506.085.739
TỔNG CỘNG	<u>49.404.003.999</u>	<u>18.125.218.296</u>

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	18.413.426.239	17.545.812.328
Chi phí vật liệu	89.124.636	578.076.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	987.642.476	916.713.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.890.359.313	6.609.346.372
Các chi phí khác	4.357.962.718	3.194.273.456
TỔNG CỘNG	<u>31.738.515.382</u>	<u>28.844.222.574</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Chi phí vật liệu	89.124.636	578.076.632
Chi phí nhân công	18.413.426.239	17.545.812.328
Chi phí khấu hao và hao mòn	23.013.624.397	16.348.138.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.300.611.358	24.490.426.507
Chi phí khác	11.013.649.970	7.739.504.822
TỔNG CỘNG	<u>81.830.436.600</u>	<u>66.701.958.746</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.674.008.950	57.596.142.809
Các điều chỉnh tăng/(giảm)		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	195.200.000	218.400.000
Các khoản điều chỉnh khác	218.189.000	144.990.852
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(69.676.580.455)	(7.778.287.923)
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành	(6.589.182.505)	50.181.245.738
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	-	10.036.249.148
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành sau ưu đãi thuế	-	10.036.249.148
Thuế TNDN phải trả/(trả trước) đầu kỳ	13.209.856	(862.674.825)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(13.209.856)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	9.173.574.323

31.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.589.251.625	1.560.253.455		
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			28.998.170	(28.998.170)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 và có giao dịch trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Japan	Công ty con
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC	Công ty con
Trường Đại học CMC	Công ty con
Công ty Cổ Phần NetNam	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn Phó chủ tịch điều hành tập đoàn từ ngày 25 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT
Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 7 năm 2023
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 7 năm 2023
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính, Người phụ trách quản trị Công ty
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng ban Ban kiểm soát
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 26 tháng 7 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 26 tháng 7 năm 2023
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 và 30 tháng 9 năm 2022 bao gồm :

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.139.840.740	5.286.992.696
		Mua dịch vụ	619.286.759	414.955.205
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	-	40.000.000.000
		Giảm trừ lợi nhuận đã được chia năm 2021	-	6.620.712.077
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.067.211.197	69.288.558.872
		Mua dịch vụ	898.097.586	963.596.586
		Góp vốn bằng bù trừ công nợ	-	81.012.070.000
		Nhận đặt cọc thuê văn phòng	4.672.585.485	4.941.977.570
		Lợi nhuận được chia	35.606.480.455	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	659.819.260	672.551.600
		Mua dịch vụ	206.217.236	12.807.440
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	542.250.518	1.992.567.265
		Mua dịch vụ	330.000.000	330.000.000
		Bán tài sản	1.203.393.304	-
		Cho vay ngắn hạn	3.200.000.000	-
		Lãi cho vay	535.643.840	-
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	18.850.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.138.475.667	4.238.759.576
		Phải thu lãi cho vay	618.077.150	833.548.106
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.591.900.539	13.206.867.246
		Góp vốn bằng bù trừ công nợ	30.000.000.000	40.000.000.000
		Nhận đặt cọc thuê văn phòng	509.200.830	2.279.200.770
		Lợi nhuận được chia	13.305.680.000	-
		Đi vay nội bộ ngắn hạn	13.000.000.000	-
		Lãi vay phải trả	18.164.384	-
		Trả nợ gốc vay	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	20.570.000.000	14.399.000.000
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.298.915.400	1.284.493.126
		Cho vay ngắn hạn	42.100.000.000	3.200.000.000
		Phải thu lãi cho vay	145.260.274	169.347.944
		Thu hồi gốc vay	49.200.000.000	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.110.000.000	1.826.129.032
		Lãi vay phải trả	1.378.161.619	-
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con	Góp vốn bằng tiền mặt	27.000.000.000	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ phải thu về cho vay, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi 6.250.054.277 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 3 năm 2023: 6.250.054.277 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi từng kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	99.075.900.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	20.768.377.206	4.993.513.980
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	6.230.441.935	5.020.541.935
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	4.118.375.106	3.394.808.284
Công ty TNHH Công Nghệ Và Giải Pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.447.969.293	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	355.704.295	423.335.514
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	90.548.755	2.136.624.352
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	74.222.622	-
Trường Đại học CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	32.656.832
TỔNG CỘNG			132.161.539.212	16.001.480.897
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	-	99.075.900.000
TỔNG CỘNG			-	99.075.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty TNHH Công Nghệ Và Giải Pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	6.962.900	-
TỔNG CỘNG			6.962.900	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	14.450.000.000	11.250.000.000
Công ty TNHH Công Nghệ Và Giải Pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu về cho vay	5.519.000.000	15.519.000.000
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Phải thu về cho vay	-	7.100.000.000
TỔNG CỘNG			19.969.000.000	33.869.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	130.501.003.545 709.460.079	147.001.003.545 -
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	35.606.480.455 131.687.123	- 369.744.275
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	14.600.000.000 2.963.392.271	14.600.000.000 2.773.915.306
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	2.214.157.827	2.349.535.800
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ Phải thu lãi cho vay	1.480.000.000 135.779.574 287.766.612	1.480.000.000 71.211.911 559.057.534
Công ty TNHH Công Nghệ Và Giải Pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	618.077.150	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	753.970.000	748.970.000
Các đối tượng khác	Công ty con	Phải thu chi hộ	77.760.000	79.474.840
TỔNG CỘNG			196.329.588.914	176.282.967.489

010
CC
C
00/
C
GIA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH Công Nghệ Và Giải Pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Mua dịch vụ	21.807.428.883	21.404.829.791
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	4.890.188.938	4.235.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	641.388.210	495.693
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	199.850.383	2.403.950.209
TỔNG CỘNG			27.538.856.414	28.044.275.693
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả khác	7.238.574.832	5.860.413.213
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải trả khác	17.000.000	17.000.000
TỔNG CỘNG			7.255.574.832	5.877.413.213
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	21.084.597.751	16.412.012.266
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	2.788.401.600	2.279.200.770
TỔNG CỘNG			23.872.999.351	18.691.213.036
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	91.626.410.000
TỔNG CỘNG			-	91.626.410.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Vay dài hạn	91.626.410.000	-
TỔNG CỘNG			91.626.410.000	-

4411
CÔNG TY HỮU HẠN CÔNG NGHỆ CMC TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	215.400.000	215.400.000
Ông Nguyễn Phước Hải	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn Thành viên HĐQT		
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn	39.600.000	183.600.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Danh Lâm	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 7 năm 2023	13.200.000	-
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 7 năm 2023	26.400.000	39.600.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc	429.000.000	432.000.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính, Người phụ trách quản trị Công ty	240.000.000	618.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát	49.800.000	16.600.000
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 26 tháng 7 năm 2023	10.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 26 tháng 7 năm 2023	20.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG		1.311.000.000	1.802.800.000

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	105.319.787.397	1.120.136.787	106.439.924.184
Tổng doanh thu	105.319.787.397	1.120.136.787	106.439.924.184
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	55.896.362.113	620.910.269	56.517.272.382
Chi phí bán hàng	(169.269.416)	-	(169.269.416)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)	-	-	6.326.005.984
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	62.674.008.950
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(28.998.170)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	-	-	62.645.010.780
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	682.956.224.057	6.230.441.935	689.186.665.992
Tài sản không phân bổ (ii)	-	-	2.568.515.109.335
Tổng tài sản	-	-	3.257.701.775.327
Nợ phải trả bộ phận	4.932.089.835	-	4.932.089.835
Nợ phải trả không phân bổ (iii)	-	-	1.168.544.942.086
Tổng nợ phải trả	-	-	1.173.477.031.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực cho thuê văn phòng	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 9 năm 2022			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	114.724.592.482	1.826.129.032	116.550.721.514
Tổng doanh thu	114.724.592.482	1.826.129.032	116.550.721.514
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	77.530.921.774	1.234.098.671	78.765.020.445
Chi phí bán hàng	(72.035.103)	-	(72.035.103)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)	-	-	(21.096.842.533)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	57.596.142.809
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	(10.036.249.148)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	28.998.170
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	47.588.891.831
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023			
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	504.983.960.211	80.165.135	505.064.125.346
Tài sản không phân bổ (ii)	-	-	2.304.652.308.366
Tổng tài sản	-	-	2.809.716.433.712
Nợ phải trả bộ phận	5.243.942.758	-	5.243.942.758
Nợ phải trả không phân bổ (iii)	-	-	743.423.526.169
Tổng nợ phải trả	-	-	748.667.468.927

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác;
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, trả trước cho người bán, phải thu khác, chi phí trả trước dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang; và
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 86,4 tỷ VND liên quan đến việc thực hiện Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023 (*)</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Dưới 1 năm	150.066.867.354	143.765.979.317
Từ 1 năm – 5 năm	444.948.343.741	310.805.670.279
Trên 5 năm	113.381.611.908	138.356.136.438
TỔNG CỘNG	<u>708.396.823.003</u>	<u>592.927.786.034</u>

(*) Số dư cam kết cho thuê hoạt động tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 bao gồm các khoản cam kết từ các bên liên quan với tổng số tiền vào khoản 634 tỷ VND.

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Dưới 1 năm	6.316.186.275	1.052.595.000
Từ 1 năm - 5 năm	6.834.810.699	4.210.380.000
Trên 5 năm	20.257.503.518	29.067.549.424
TỔNG CỘNG	<u>33.408.500.492</u>	<u>34.330.524.424</u>

447
 CÔNG TY
 HÃN
 CÔNG N
 C
 TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Báo cáo kết quả giảm vốn điều lệ số 168/2023/CV/CMC ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Công ty gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty đã xác nhận đăng ký giảm 18.100 cổ phiếu quỹ, từ đó dẫn đến Tổng vốn điều lệ giảm 181.000.000 VND. Công ty cũng đã được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2023.

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn số 52/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Thông báo số 1839/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 11 năm 2023, Công ty đã thông báo ngày đăng ký cuối cùng của cổ đông về việc chia cổ tức bằng tiền và cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 là ngày 6 tháng 12 năm 2023.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

		
Nguyễn Hồng Phương Kế toán trưởng	Lê Thanh Sơn Giám đốc Tài chính	Nguyễn Trung Chính Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2023